

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÁT XÁT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÀO CAI

Số: 06 /2024/QĐST – HNGĐ

Bát Xát, ngày 09 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

v/v yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Duy Chiến.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Minh Lý;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-VDS ngày 16 tháng 7 năm 2024, về việc yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân kể từ ngày đủ điều kiện kết hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2024/QĐST - VDS ngày 29 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1957;

Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

(có đơn xin mở phiên họp vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vàng Văn T, sinh ngày 26/5/1985.

- Chị Lý Thị G, sinh ngày 02/02/1985.

Cùng địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

(có đơn xin mở phiên họp vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp Tòa án ngày 11/7/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh Vàng Văn T, sinh ngày 26/5/1985. Ngày 27/02/2004 anh Vàng Văn T kết hôn với chị Lý Thị G, sinh ngày 02/02/1985, tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01, ngày 27/02/2004. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh Vàng Văn T khai thông tin ngày tháng sinh của mình là sinh năm 1984. Tại giấy chứng minh thư nhân dân số 063198550, cấp ngày 12/7/2004 do Công an tỉnh Lào Cai cấp thì Vàng Văn T sinh ngày 26/5/1985.

Đối chiếu theo quy định của pháp luật thì ngày 27/02/2004 Ủy ban nhân dân xã Quang Kim thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Vàng Văn T khi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc kết hôn này đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi đối với nam, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Nay bà Nguyễn Thị D là mẹ của Vàng Văn T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G, đã được Ủy ban nhân dân xã Quang Kim cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2004.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2024 và quá trình giải quyết việc dân sự người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vàng Văn T trình bày:

Anh và chị Lý Thị G kết hôn với nhau ngày ngày 27/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, khi đi đăng ký kết hôn thì anh đã khai ngày tháng năm sinh là năm 1984 nhưng thực chất anh sinh ngày 26/5/1985, như vậy thời gian anh đăng ký kết hôn ngày 27/02/2004 chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nay bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Lý Thị Giang. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thì anh và chị Lý Thị Giang đã đủ các điều kiện kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Vì vậy anh đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Tại biên bản tự khai ngày 18/7/2024 và quá trình giải quyết việc dân sự người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị G trình bày thống nhất quan điểm với anh Vàng Văn T, đến nay anh, chị vẫn sống hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh Vàng Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

[1.2] Về quyền công nhận quan hệ hôn nhân:

Tại thời điểm bà Nguyễn Thị D yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G đã đủ điều kiện kết hôn, anh chị vẫn sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G có quyền yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm cả hai đủ điều kiện kết hôn.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Lý Thị G và anh Vàng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, việc kết hôn đã được đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền, nay bà Nguyễn Thị D, mẹ của anh Vàng Văn T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý giải quyết là phù hợp với Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tại phiên họp người yêu cầu bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự ở trên.

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

Xét thấy tại giấy chứng minh thư nhân dân số 063198550, cấp ngày 12/7/2004 và cấp lại ngày 12/7/2013 do Công an tỉnh Lào Cai cấp, căn cước công dân số 010085001416, cấp ngày 20/4/2021 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ công an cấp, giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Quang Kim cấp ngày 03/7/2024 thì anh Vàng Văn T sinh ngày 26/5/1985. Như vậy việc anh Vàng Văn T sinh ngày 26 tháng 5 năm 1985 là có căn cứ.

Đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01, ngày 27/02/2004 do Ủy ban nhân dân xã Quang Kim cấp thì thời điểm đăng ký kết hôn anh Vàng Văn T mới 18 tuổi 9 tháng 1 ngày, như vậy là vi phạm điều kiện kết hôn được qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, hôn nhân giữa anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G là trái pháp luật, nay bà Nguyễn Thị D, mẹ anh Vàng Văn T

yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, tuy nhiên trong quá trình giải quyết thì anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G cho rằng hiện tại vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, trong thời gian chung sống không phát sinh mâu thuẫn, anh chị đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Xét thấy tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định:

“Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó”

Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng qui định:

“Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn”. Như vậy anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G được quyền yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân. Chị Lý Thị G, sinh ngày 02/02/1985, anh Vàng Văn T, sinh ngày 26/5/1985, ngày anh, chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 27/5/2005. Do anh chị được công nhận quan hệ hôn nhân nên đối với yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật không được Tòa án chấp nhận.

[3] Tại phiên họp Kiểm sát viên đề nghị căn cứ Điều 9 khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng không công nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc hủy kết hôn trái pháp luật. Công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G kể từ khi anh, chị đủ tuổi kết hôn theo qui định của pháp luật.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu lệ phí việc dân sự.

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên xét thấy là phù hợp, cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị D không phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D là hủy kết hôn trái pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 27/02/2004 do Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Vàng Văn T, sinh ngày 26/5/1985 và chị Lý Thị G, sinh ngày 02/02/1985 kể từ thời điểm anh Vàng Văn T và chị Lý Thị G đủ tuổi kết hôn là ngày 27 tháng 5 năm 2005.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu lệ phí việc dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Viện kiểm sát H. Bát Xát (2);
- Người yêu cầu;
- Người có QL và NVLQ (2);
- UBND xã Quang Kim;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

